

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM –  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 54

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc 31/12/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng thành viên**

Ông Đặng Sỹ Mạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 05/05/2023 (Quyết định số 481/QĐ – TTg ngày 05/5/2023)
Ông Vũ Anh Minh	Chủ tịch	Hết thời hạn bổ nhiệm từ ngày 01/03/2022 (Văn bản số 555/UBQLV – TCCB ngày 29/4/2022)
Ông Hồ Hữu Hoà	Thành viên	
Bà Đỗ Thanh Hà	Thành viên	
Bà Lê Thị Nhuận	Thành viên	
Ông Lê Bằng An	Thành viên	

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đặng Sỹ Mạnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQTV từ ngày 05/05/2023
Ông Hoàng Gia Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Giao phụ trách Ban điều hành Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam từ ngày 20/5/2023 (Văn bản số 1490/ĐS-TCCB ngày 19/5/2023)
Ông Phan Quốc Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Năng Khang	Phó Tổng Giám đốc	

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cho năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đặng Sỹ Mạnh – Chủ tịch Hội đồng thành viên (từ 01/01/2022 đến 04/5/2023 là Tổng Giám đốc).

#### **Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Tuấn Vinh

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2023, Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng được sáp nhập nguyên trạng vào Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn theo Quyết định số 1438/QĐ - ĐS ngày 25/11/2022 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Từ ngày 01/01/2023, Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên được sáp nhập nguyên trạng vào Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội theo Quyết định số 1439/QĐ - ĐS ngày 25/11/2022 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Ngoài các sự kiện trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng kèm theo.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty mẹ Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Hoàng Gia Khánh**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2023



Số: 484/2023/UHY- BCKT

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là “Công ty mẹ Tổng Công ty”), được lập ngày 25 tháng 05 năm 2023, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế; tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Công việc kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty mẹ Tổng Công ty nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán thông thường, mà không đưa ra ý kiến về thủ tục đầu tư và giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù và chi tiết hơn áp dụng riêng cho công tác kiểm toán quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác tại Báo cáo kiểm toán số 067/2022/BCKTR-PB.00004 ngày 06/05/2022 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến nội dung Tổng Công ty đã điều chỉnh phí hồi tố theo yêu cầu của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (công văn số 1690/UBQLV-CNHT ngày 09/10/2020 và công văn số 1931/UBQLV-CNHT ngày 04/11/2020) các khoản chi phí dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất đầu tư tài chính, chi phí tiền thuê đất và tiền chậm nộp, chi phí lãi vay vào Báo cáo tài chính riêng năm 2020 ảnh hưởng tới số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2021 và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020.



**Lê Quang Nghĩa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3660-2021-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2023*

**Trịnh Thị Trang**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4061-2022-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.280.339.660.541</b>	<b>1.921.358.405.543</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	429.893.712.699	309.908.067.798
Tiền	111		379.893.712.699	258.705.821.621
Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	51.202.246.177
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	60.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		60.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.606.883.368.444	1.438.322.171.563
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.496.739.669.914	1.328.652.524.758
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	8.060.596.345	8.392.434.579
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	236.182.692.455	255.686.782.228
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(134.099.590.270)	(154.409.570.002)
Hàng tồn kho	140	8	164.799.995.871	153.705.250.402
Hàng tồn kho	141		174.185.799.043	163.144.300.335
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.385.803.172)	(9.439.049.933)
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.762.583.527	19.422.915.780
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	515.879.194	554.124.530
Thuế GTGT được khấu trừ	152		731.452.661	883.857.348
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	17.515.251.672	17.984.933.902
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.714.353.696.707</b>	<b>12.887.285.027.067</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		40.158.091.244	78.180.519.483
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	-	34.949.897.600
Phải thu dài hạn khác	216	9	40.158.091.244	43.230.621.883
Tài sản cố định	220		11.760.357.559.517	11.891.678.107.224
Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.370.581.164.649	11.501.680.060.709
- Nguyên giá	222		24.103.408.770.768	24.168.888.716.867
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.732.827.606.119)	(12.667.208.656.158)
Tài sản cố định vô hình	227	13	389.776.394.868	389.998.046.515
- Nguyên giá	228		391.628.291.897	391.633.393.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.851.897.029)	(1.635.346.498)
Bất động sản đầu tư	230		267.149.764	283.933.432
- Nguyên giá	231		671.346.240	671.346.240
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(404.196.476)	(387.412.808)
Tài sản dở dang dài hạn	240	14	87.323.041.346	85.022.577.780
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		87.323.041.346	85.022.577.780
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	804.892.662.045	796.661.987.566
Đầu tư vào công ty con	251		1.388.697.567.004	1.388.697.567.004
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		74.851.868.000	72.877.950.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		33.892.820.000	33.892.820.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(692.549.592.959)	(698.806.349.438)
Tài sản dài hạn khác	260		21.355.192.791	35.457.901.582
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	21.355.192.791	35.457.901.582
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>14.994.693.357.248</b>	<b>14.808.643.432.610</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.394.278.226.705</b>	<b>2.041.486.947.228</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.113.055.590.429</b>	<b>1.707.399.790.011</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.153.083.658.388	725.054.396.388
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.010.874.924	1.045.942.905
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	19.337.187.341	27.996.662.387
Phải trả người lao động	314		190.011.696.040	147.233.831.639
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	8.782.171.964	12.571.140.130
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		112.180.000	38.500.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	630.809.271.232	652.383.793.963
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	31.403.623.000	41.930.085.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		78.504.927.540	99.145.437.599
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>281.222.636.276</b>	<b>334.087.157.217</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	280.414.574.910	331.017.108.646
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		808.061.366	3.070.048.571
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>12.600.415.130.543</b>	<b>12.767.156.485.382</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>1.147.379.493.764</b>	<b>1.319.870.555.654</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.104.949.670.315	3.104.949.670.315
Quỹ đầu tư phát triển	418		37.098.310.602	37.098.310.602
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.994.668.487.153)	(1.822.177.425.263)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.822.177.425.263)	(1.257.310.475.313)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(172.491.061.890)	(564.866.949.950)
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>11.453.035.636.779</b>	<b>11.447.285.929.728</b>
Nguồn kinh phí	431		93.661.148.826	93.661.148.826
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		11.359.374.487.953	11.353.624.780.902
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>14.994.693.357.248</b>	<b>14.808.643.432.610</b>

Người lập biểu



**Đặng Thị Bích Vân**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Tuấn Vinh**

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc



**Hoàng Gia Khánh**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>5.458.821.927.692</b>	<b>3.917.823.413.394</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	16.035.456
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>5.458.821.927.692</b>	<b>3.917.807.377.938</b>
Giá vốn hàng bán	11	22	5.588.287.867.074	4.244.978.871.528
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(129.465.939.382)</b>	<b>(327.171.493.590)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	43.621.082.587	56.826.830.555
Chi phí tài chính	22	24	4.682.191.971	235.795.434.840
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.930.308.870</i>	<i>13.814.652.955</i>
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	61.923.212.882	61.425.839.611
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(152.450.261.648)</b>	<b>(567.565.937.486)</b>
Thu nhập khác	31	26	17.361.054.743	37.159.259.465
Chi phí khác	32	27	37.401.854.985	34.460.271.929
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(20.040.800.242)</b>	<b>2.698.987.536</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(172.491.061.890)</b>	<b>(564.866.949.950)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(172.491.061.890)</b>	<b>(564.866.949.950)</b>

**Người lập biểu**



**Đặng Thị Bích Vân**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Tuấn Vinh**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2023*

**Phó Tổng Giám đốc**



**Hoàng Gia Khánh**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(172.491.061.890)</b>	<b>(564.866.949.950)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		62.586.875.883	205.624.080.834
Các khoản dự phòng	03		(26.630.781.218)	221.018.331.692
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(12.527.235.624)	(30.034.915.863)
Lỗ/(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(29.452.320.762)	(25.053.999.730)
Chi phí lãi vay	06		10.930.308.870	13.814.652.955
Các điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(167.584.214.741)</b>	<b>(179.498.800.062)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.883.203.774)	(779.635.577.621)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(29.810.532.209)	6.905.125.941
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		452.285.727.311	777.024.464.212
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		37.738.427.517	19.273.399.239
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.930.308.870)	(13.814.652.955)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		349.616.869	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(22.104.441.492)	(20.919.829.308)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>211.061.070.611</b>	<b>(190.665.870.554)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.620.190.826)	(6.025.555.085)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		39.418.182	41.839.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(60.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.476.379.091	25.012.160.639
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(44.104.393.553)</b>	<b>19.028.444.645</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		46.789.460.000	22.609.490.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(93.760.492.157)	(60.271.845.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(46.971.032.157)</b>	<b>(37.662.355.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>119.985.644.901</b>	<b>(209.299.780.909)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>309.908.067.798</b>	<b>519.207.848.707</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>429.893.712.699</b>	<b>309.908.067.798</b>

**Người lập biểu**

**Đặng Thị Bích Vân**

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Tuấn Vinh**

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2023

**Phó Tổng Giám đốc**

**Hoàng Gia Khánh**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1883/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam chuyển đổi từ Công ty nhà nước thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 118 đường Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty TNHH Một thành viên số 0100105052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26/07/2010 vốn điều lệ là 2.268.000.000.000 VND (*Hai nghìn hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng*); đăng ký thay đổi lần 6 ngày 17/04/2020 vốn điều lệ là 3.250.000.000.000 VND (*Ba nghìn hai trăm năm mươi tỷ đồng*).

Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc điều chỉnh vốn điều lệ trong giai đoạn từ năm 2017 - 2019 từ 2.268 tỷ đồng lên 3.250 tỷ đồng trong văn bản số 1254/TTg-KTTH ngày 21 tháng 08 năm 2017. Theo đó, nguồn bổ sung vốn điều lệ tăng thêm là: chênh lệch giữa Vốn chủ sở hữu so với vốn điều lệ đến ngày 31 tháng 12 năm 2016; Quỹ đầu tư phát triển đến ngày 31 tháng 12 năm 2016; Lợi nhuận sau thuế từ năm 2017 trở đi, quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016; tài sản gói EP thuộc Dự án nâng cao an toàn đường sắt tuyến Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 1693/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2017 và chênh lệch giá ray chuyên dùng trong năm 2017 và năm 2018. Tổng Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên.

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2022 là 3.104.949.670.315 VND.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022 là 6.187 người (tại ngày 31/12/2021 là 6.176 người).

Quỹ lương thực hiện năm 2022 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam số tiền là: 720.150.000.000 đồng (Quỹ lương thực hiện năm 2021 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam số tiền là: 569.833.000.000 đồng).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

***Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm:***

- Cung cấp dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt, cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt, hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

*Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:*

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng ngành đường sắt;
- Dịch vụ viễn thông.
- Dịch vụ tin học;
- Kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn của ngành đường sắt;
- Kinh doanh kho bãi và dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phí Bắc.

**1.6 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

**TT Tên đơn vị**

**Địa chỉ**

**A CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC**

- |   |  |
|---|--|
| 1. Ban Tài chính kế toán                            | Số 118 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội                              |
| 2. Văn phòng Tổng Công ty                           | Số 118 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội                              |
| 3. Trung tâm Điều hành giao thông vận tải Đường sắt | Số 118 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội                              |
| 4. Chi nhánh Ga Đồng Đăng                           | Tổ 04, khu ga, Thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn    |
| 5. Chi nhánh khai thác Đường sắt Hà Lạng            | Số 25 đường Xương Giang, p Ngô Quyền, Tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang |
| 6. Chi nhánh khai thác Đường sắt Hà Lào             | Số 04 Trần Hưng Đạo. p. Hồng Hà, Tp Yên Bái, tỉnh Yên Bái          |
| 7. Chi nhánh khai thác Đường sắt Hà Nội             | Số 120 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội                               |
| 8. Chi nhánh khai thác Đường sắt Hà Thái Hải        | Số 73 ngõ 2 Quan Thánh, Tp. Hải Dương tỉnh Hải Dương               |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: (tiếp)

<b><u>TT Tên đơn vị</u></b>	<b><u>Địa chỉ</u></b>
9. Chi nhánh khai thác Đường sắt Hà Thanh	Số 48 Đại lộ Lê Lợi, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
10. Chi nhánh khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế	Số 01 Bùi Thị Xuân, Tp. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
11 Chi nhánh khai thác Đường sắt Lào Cai	Ga Lào Cai, đường Khánh Yên, Tp Lào Cai, tỉnh Lào Cai
12 Chi nhánh khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh	Số 01 Lê Ninh, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An
13. Chi nhánh khai thác Đường sắt Nghĩa Bình	Ga Quảng Ngãi, đường Nguyễn Chánh, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
14 Chi nhánh khai thác Đường sắt Phú Khánh	Số 19 Thái Nguyên, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
15. Chi nhánh khai thác Đường sắt Sài Gòn	Số 1A Lê Lai. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
16 Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng (1)	Số 93 Trần Cao Vân, Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
17. Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	Số 2D Khâm Thiên, Đống Đa, Tp Hà Nội
18. Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	Số 540/21 Cách Mạng Tháng 8, Q3 Tp Hồ Chí Minh
19. Xí nghiệp Đầu máy Vinh	Đường Đinh Văn Chắt, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An
20. Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên (2)	Thôn Lã Côi, Gia Lâm, Tp. Hà Nội
(1) Từ ngày 01/01/2023, Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng được sáp nhập nguyên trạng vào Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn theo Quyết định số 1438/QĐ - ĐS ngày 25/11/2022 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.	
(2) Từ ngày 01/01/2023, Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên được sáp nhập nguyên trạng vào Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội theo Quyết định số 1439/QĐ - ĐS ngày 25/11/2022 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
<b>B CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP</b>		
1.	Trường Cao đẳng Đường sắt	02/167 Gia Quất, Phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội
2.	Trung tâm Y tế Đường sắt	Số 23B Quán Thánh, Hà Nội
3.	Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực 1	Hà Nội Số 109 Trần Hưng Đạo
4.	Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực 2 (*)	Số 83 Trần Cao Vân, Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
5.	Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực 3 (*)	Số 136 Hàm Nghi, Q1, Tp. Hồ Chí Minh

(\*) Từ ngày 01/12/2022, Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực 2 và Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực 3 được sáp nhập vào Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực 1 theo Quyết định số 1441/QĐ - ĐS ngày 25/11/2022 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có các Công ty con như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên công ty</b>	<b>Tỷ lệ Lợi ích (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
1	Công ty CP Đá Đồng Mỏ	51,00%	51,00%	Khai thác đá
2	Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
3	Công ty CP Đường sắt Hà Hải	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
4	Công ty CP Đường sắt Hà Lạng	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
5	Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
6	Công ty CP Đường sắt Hà Thái	51,63%	51,63%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
7	Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
8	Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
9	Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
10	Công ty CP Đường sắt QN&ĐN	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
11	Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
12	Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
13	Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có các Công ty con như sau (tiếp):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ Lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
14	Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	64,50%	64,50%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
15	Công ty CP Đường sắt Vinh Phú	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
16	Công ty CP Đường sắt Yên Lào	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
17	Công ty CP TTTH ĐS Bắc Giang	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt
18	Công ty CP TTTH ĐS Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt
19	Công ty CP TTTH ĐS Hà Nội	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt
20	Công ty CP TTTH ĐS Sài Gòn	75,77%	75,77%	Khai thác bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt
21	Công ty CP TTTH ĐS Vinh	51,00%	51,00%	Khai thác bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt
22	Công ty CP Vận tải ĐS Hà Nội	91,62%	91,62%	Vận tải hàng hóa, hành khách Đường sắt
23	Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn	78,44%	78,44%	Vận tải hàng hóa, hành khách Đường sắt
24	Công ty CP Xe lửa Dĩ An	86,85%	86,85%	Sửa chữa toa xe, dịch vụ gia công cơ khí
25	Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	68,15%	68,15%	Sửa chữa toa xe, dịch vụ gia công cơ khí

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Tổng Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết sau:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết(%)	Hoạt động chính
1	Công ty cổ phần Đá Mỹ Trang	44,44%	44,44%	Khai thác đá
2	Công ty cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	40,00%	40,00%	Dịch vụ hỗ trợ vận tải
3	Công ty cổ phần Tư vấn ĐT và XD Công trình 1	37,75%	37,75%	Xây dựng công trình



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**  
**- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Tổng Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết sau (tiếp):

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết(%)	Hoạt động chính
4	Công ty cổ phần In Đường sắt Sài Gòn	33,59%	33,59%	In ấn
5	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đường sắt	20,00%	20,00%	Tư vấn xây dựng công trình
6	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng và Đô thị Đường sắt	20,00%	20,00%	Kinh doanh bất động sản
7	Công ty cổ phần ĐT và XD Công trình 3	24,67%	24,67%	Xây dựng công trình
8	Công ty TNHH Khách sạn Thương mại Sài Gòn	50,00%	50,00%	Kinh doanh khách sạn

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, bao gồm Các chi nhánh khai thác đường sắt, các chi nhánh xí nghiệp đầu máy, các đơn vị phụ trợ, báo cáo văn phòng và báo cáo Ban tài chính Tổng Công ty.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.3 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.

**Đầu tư vào công ty con:**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó hoặc Công ty mẹ Tổng Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận khác:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Đầu tư vào công ty con (tiếp):*

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Tổng Công ty hơn 50% quyền biểu quyết;
- Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
- Tổng Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Tổng Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

*Đầu tư vào công ty liên kết:*

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, bao gồm: phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 của Bộ Tài chính; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH****Tài sản cố định hữu hình**

Nhóm 1: Là những tài sản cố định thuộc hệ thống cơ sở hạ tầng đường sắt theo quy định tại Thông tư liên tịch 10/2016/TTLT-BGTVT-BTC ngày 10/05/2016 về việc Hướng dẫn công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế để thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, được Tổng công ty Đường sắt giao cho các đơn vị quản lý như: hệ thống cầu, đường, hầm; các thiết bị thuộc hệ thống thông tin tín hiệu; hệ thống kiến trúc nhà ga.

Nhóm 2: Là những tài sản cố định sử dụng trong sản xuất kinh doanh được Tổng Công ty trực tiếp mua sắm đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

**Khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định nhóm 1: Không thực hiện trích khấu hao.

Tài sản cố định nhóm 2:

Khấu hao các tài sản khác được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 12

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và giá trị nền đường sắt thuộc kết cấu hạ tầng được nhà nước giao sử dụng lâu dài, giá trị phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và các tài sản cố định vô hình khác.

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất và nền đường sắt thuộc kết cấu hạ tầng được Nhà nước giao sử dụng lâu dài;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn nhận chuyển nhượng hợp pháp;
- Quyền sử dụng đất và nền đường sắt thuộc kết cấu hạ tầng được Nhà nước giao sử dụng lâu dài được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn nhận chuyển nhượng hợp pháp bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Khấu hao của quyền sử dụng đất có thời hạn được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất.

Các Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<b>Số năm</b>
Phần mềm máy tính	03
Tài sản cố định vô hình khác	05

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**3.10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tái sản xuất có thể hoạt động theo cách thức dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 40 năm.

**3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, đại tu đầu máy, giá trị công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác.

*Chi phí sửa chữa, đại tu đầu máy*

Chi phí sửa chữa đại tu đầu máy bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến đại tu đầu máy. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

*Công cụ, dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

*Chi phí trả trước khác*

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.12 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Tổng Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 3.3.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Tổng Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**3.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**3.14 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)**

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Trong năm 2022, toàn bộ chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**3.15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm chi phí lãi vay và các loại chi phí khác.

**3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Quỹ đầu tư phát triển Theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015, Tổng Công ty được trích tối đa 30% lợi nhuận chưa phân phối vào Quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp.

**3.17 NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC**

**Nguồn kinh phí**

Nguồn kinh phí là khoản kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp cho Tổng Công ty để thực hiện các nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng, thông tin tín hiệu đường sắt quốc gia. Việc sử dụng nguồn kinh phí phải theo đúng dự toán được duyệt và phải quyết toán với ngân sách nhà nước.

**Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được ghi nhận tăng khi Tổng Công ty được Nhà nước giao các tài sản thuộc hệ thống kết cấu hạ tầng, thông tin tín hiệu đường sắt (tài sản nhóm 1).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.18 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu của Tổng công ty bao gồm những loại chính sau: Doanh thu dịch vụ điều hành giao thông vận tải, Doanh thu bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt, Kinh doanh kết cấu hạ tầng, thông tin tín hiệu đường sắt, Doanh thu cho thuê toa xe, doanh thu bán hàng, cho thuê và các loại doanh thu khác.

***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau: (tiếp)***

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính*** bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá, lãi thoái vốn tại các công ty cổ phần..., cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

***Thu nhập khác*** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Tổng Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có); chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**3.20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, chênh lệch tỷ giá, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư và chi phí tài chính khác. Cụ thể như sau:

- Chi phí lãi vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chiết khấu thanh toán được ghi nhận khi Tổng Công ty nhận được tiền thanh toán của khách hàng đúng thời hạn thanh toán được ghi trong hợp đồng mua bán;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được trích lập theo quy định như trình bày tại thuyết minh số 3.4.

**3.21 CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, cước vận chuyển, chi phí khấu hao tài sản cố định của bộ phận bán hàng và các chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu Công ty mẹ, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí từ việc quyết toán kinh phí thường xuyên, kinh phí đề tài của các đơn vị trực thuộc và các chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**3.22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị trực thuộc được quyết toán tập trung tại Tổng Công ty.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.23 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là bên liên quan với Tổng Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chỉ phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng Công ty). Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Tổng Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các chủ sở hữu chính của Tổng Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Tổng Công ty. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan trong năm 2022 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	2.654.134.864	2.558.462.144
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	377.239.577.835	256.147.359.477
Các khoản tương đương tiền (*)	50.000.000.000	51.202.246.177
	<b>429.893.712.699</b>	<b>309.908.067.798</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại với kỳ hạn không quá 03 tháng.

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>515.879.194</b>	<b>554.124.530</b>
- Công cụ dụng cụ, đồng phục, bảo hộ lao động	410.528.259	554.124.530
- Chi phí trả trước khác	105.350.935	-
<b>Dài hạn</b>	<b>21.355.192.791</b>	<b>35.457.901.582</b>
- Công cụ dụng cụ, đồng phục, bảo hộ lao động	4.121.315.481	3.291.235.021
- Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	17.196.407.937	32.166.666.561
- Chi phí khác	37.469.373	-
	<b>21.871.071.985</b>	<b>36.012.026.112</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>8.060.596.345</b>	<b>8.392.434.579</b>
<i>Các bên liên quan</i>	-	-
<i>Các bên khác</i>	<b>8.060.596.345</b>	<b>8.392.434.579</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTVT	3.666.163.960	3.666.163.960
- Công ty TNHH Khảo sát thiết kế công trình giao thông	1.990.936.000	1.990.936.000
- Các khoản trả trước cho người bán	2.403.496.385	2.735.334.619
	<b>8.060.596.345</b>	<b>8.392.434.579</b>



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**  
**- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.496.739.669.914</b>	<b>(1.892.719.437)</b>	<b>1.328.652.524.758</b>	<b>(1.696.519.437)</b>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>376.664.990.172</i>	<i>(1.556.634.957)</i>	<i>664.849.178.551</i>	<i>(1.544.634.957)</i>
- Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội	50.971.376.844	-	158.437.272.799	-
- Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	292.382.401.571	-	483.561.026.700	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	10.800.337.447	-	8.539.608.859	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	3.870.776.628	-	1.873.159.563	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	777.220.617	-	1.851.530.360	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	1.628.811.592	-	711.690.563	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	3.769.010.864	(1.556.634.957)	3.047.222.692	(1.544.634.957)
- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	1.199.522.079	-	1.214.473.859	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	794.730.705	-	680.879.213	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	2.452.927.436	-	961.087.581	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	779.799.988	-	367.958.504	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	589.956.894	-	535.604.512	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	374.114.756	-	300.106.074	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	1.577.231.634	-	877.221.185	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	1.213.414.324	-	941.910.295	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	1.500.414.296	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	1.646.981.416	-	625.209.026	-
- Công ty Cổ phần TTTHĐS Bắc Giang	150.376.600	-	147.177.093	-
- Công ty Cổ phần TTTHĐS Sài Gòn	6.189.700	-	-	-
- Công ty Cổ phần TTTHĐS Hà Nội	5.016.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần TTTHĐS Vinh	144.477.300	-	148.838.706	-
- Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực 1	11.025.481	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	18.876.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần TTTHĐS Đà Nẵng	-	-	27.200.967	-
<i>Phải thu khác bên khác</i>	<i>1.120.074.679.742</i>	<i>(336.084.480)</i>	<i>663.803.346.207</i>	<i>(151.884.480)</i>
- Cục Đường sắt Việt Nam	1.012.029.678.520	-	585.350.648.514	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	48.086.482.141	-	43.034.475.130	-
- Các đối tượng khác	59.958.519.081	(336.084.480)	35.418.222.563	(151.884.480)
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.949.897.600</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội	-	-	19.386.511.531	-
- Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	-	-	15.563.386.069	-
	<b>1.496.739.669.914</b>	<b>(1.892.719.437)</b>	<b>1.363.602.422.358</b>	<b>(1.696.519.437)</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

**- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	172.526.574.251	(9.385.803.172)	156.553.248.832	(9.439.049.933)
- Công cụ, dụng cụ	1.111.291.790	-	1.253.183.917	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	547.933.002	-	5.337.867.586	-
	<b>174.185.799.043</b>	<b>(9.385.803.172)</b>	<b>163.144.300.335</b>	<b>(9.439.049.933)</b>



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**  
**- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>236.182.692.455</b>	<b>(132.206.870.833)</b>	<b>255.686.782.228</b>	<b>(152.713.050.565)</b>
- Tạm ứng	2.046.275.454	-	1.304.986.650	-
- Ký quỹ, ký cược	15.000.000	-	-	-
- Phải thu bên liên quan	150.234.197.440	(57.546.552.738)	149.920.921.577	(57.437.932.738)
+ Ban QLDA Đường sắt KV1 (1)	81.926.735.994	-	80.283.956.302	-
+ Công ty CP Xe lửa Gia Lâm (2)	48.405.347.064	(48.324.347.064)	48.405.347.064	(48.324.347.064)
+ Công ty CP VTĐS Sài Gòn	-	-	166.069.499	-
+ Trường Cao đẳng Đường sắt	8.890.771.269	-	6.801.792.162	-
+ Công ty CP ĐS Yên Lào	997.787.200	-	2.357.905.808	-
+ Công ty CP TTTH ĐS Vinh	89.000.000	-	-	-
+ Công ty CP ĐS Hà Ninh	3.122.370.338	(3.122.370.338)	3.134.370.338	(3.134.370.338)
+ Ban QLDA Đường sắt KV2	-	-	1.500.000.000	-
+ Ban QLDA Đường sắt KV3	-	-	650.779.692	-
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công trình 1	1.144.341.336	(1.144.341.336)	1.238.721.336	(1.238.721.336)
+ Công ty CP VTĐS Hà Nội	-	-	312.105.376	-
+ Công ty CP ĐS Hà Lạng	41.174.839	-	-	-
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	586.175.400	-	39.380.000	-
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Đô thị Đường sắt	5.030.494.000	(4.955.494.000)	5.030.494.000	(4.740.494.000)
- Phải thu các bên khác	83.887.219.561	(74.660.318.095)	104.460.874.001	(95.275.117.827)
+ Công ty CP TCT Công trình Đường sắt (3)	12.212.820.377	(12.212.820.377)	27.027.620.109	(27.027.620.109)
+ Công ty CP Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt (4)	51.263.860.594	(51.263.860.594)	51.263.860.594	(51.263.860.594)
+ Công ty CP Vận tải và Thương mại Đường sắt	9.370.000	-	178.558.681	-
+ Phải thu khác	20.401.168.590	(11.183.637.124)	25.990.834.617	(16.983.637.124)

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**  
**- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2022

**9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Dài hạn</b>	<b>40.158.091.244</b>	<b>-</b>	<b>43.230.621.883</b>	<b>-</b>
- Ký quỹ, ký cược	34.000.000	-	44.000.000	-
- Phải thu các bên liên quan	40.124.091.244	-	43.186.621.883	-
+ Trường Cao đẳng Đường sắt (5)	38.463.325.723	-	41.242.084.830	-
+ Trung tâm Y tế Đường Sắt	1.660.765.521	-	1.944.537.053	-
	<b>276.340.783.699</b>	<b>(132.206.870.833)</b>	<b>298.917.404.111</b>	<b>(152.713.050.565)</b>

- (1) Khoản phải thu Ban QLDA Đường sắt KV1 bao gồm: Giá trị Bàn giao sát nhập Ban 31- Láng Hạ, cho vay kinh phí hoạt động, mua sắm MMTB, các công nợ nhỏ lẻ từ các dự án đầu máy giai đoạn 2016-2018, dự án đoàn tàu tốc hành giai đoạn 1 và các giá trị bàn giao từ Ban cũ.
- (2) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm về tiền thuê đất.
- (3) Khoản phải thu Công ty Cổ phần TCT Công trình đường sắt các khoản nợ tồn đọng tiền ray, cổ tức.
- (4) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt các khoản tồn đọng về tiền ray P50 lô 5000 tấn năm 2006; tiền ray dự trữ năm 2005; giá trị thanh lý 60 toa xe P năm 2002; cho vay vốn SXKD năm 2005, 2007, 2013 và phí lập quy hoạch đất KV Đông Anh năm 2007.
- (5) Khoản phải thu Trường Cao đẳng Đường sắt về vốn góp của Tổng Công ty, thực hiện các dịch vụ đào tạo.



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**10. NỢ XẤU**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>4.121.895.344</b>	<b>(1.892.719.437)</b>	<b>1.519.387.735</b>	<b>3.199.107.172</b>	<b>(1.696.519.437)</b>	<b>1.502.587.735</b>
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	3.769.010.864	(1.556.634.957)	1.502.587.735	3.047.222.692	(1.544.634.957)	1.502.587.735
- Đối tượng khác	352.884.480	(336.084.480)	16.800.000	151.884.480	(151.884.480)	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>132.362.870.833</b>	<b>(132.206.870.833)</b>	<b>156.000.000</b>	<b>153.084.050.565</b>	<b>(152.713.050.565)</b>	<b>371.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	48.405.347.064	(48.324.347.064)	81.000.000	48.405.347.064	(48.324.347.064)	81.000.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	3.122.370.338	(3.122.370.338)	-	3.134.370.338	(3.134.370.338)	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình I	1.144.341.336	(1.144.341.336)	-	1.238.721.336	(1.238.721.336)	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Đô thị Đường sắt	5.030.494.000	(4.955.494.000)	75.000.000	5.030.494.000	(4.740.494.000)	290.000.000
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	12.212.820.377	(12.212.820.377)	-	27.027.620.109	(27.027.620.109)	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị đường sắt	51.263.860.594	(51.263.860.594)	-	51.263.860.594	(51.263.860.594)	-
- Đối tượng khác	11.183.637.124	(11.183.637.124)	-	16.983.637.124	(16.983.637.124)	-
	<b>136.484.766.177</b>	<b>(134.099.590.270)</b>	<b>1.675.387.735</b>	<b>156.283.157.737</b>	<b>(154.409.570.002)</b>	<b>1.873.587.735</b>

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>						
<b>Ngắn hạn</b>						
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-
	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch với kỳ hạn 6 tháng, hưởng lãi suất 10,1%/năm.



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị
	VND	VND	hợp lý VND	VND	VND	hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>1.388.697.567.004</b>	<b>(673.582.059.072)</b>		<b>1.388.697.567.004</b>	<b>(680.957.766.532)</b>	
- Công ty CP Đá Đồng Mỏ	3.315.000.000	-	(*)	3.315.000.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	9.435.000.000	-	(*)	9.435.000.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Hà Hải	7.038.000.000	-	(*)	7.038.000.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Hà Lạng	8.415.000.000	-	(*)	8.415.000.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	7.700.490.000	(1.552.807.808)	(*)	7.700.490.000	(2.848.879.132)	(*)
- Công ty CP Đường sắt Hà Thái	7.747.660.000	-	(*)	7.747.660.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	7.609.200.000	-	(*)	7.609.200.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	9.210.600.000	-	(*)	9.210.600.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	10.200.000.000	-	(*)	10.200.000.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt QNĐN	8.045.250.000	-	(*)	8.045.250.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	8.978.550.000	-	(*)	8.978.550.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	10.429.500.000	-	(*)	10.429.500.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	10.638.090.000	-	(*)	10.638.090.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	10.892.600.000	-	(*)	10.892.600.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Vĩnh Phú	6.270.850.000	-	(*)	6.270.850.000	-	(*)
- Công ty CP Đường sắt Yên Lào	9.690.000.000	-	(*)	9.690.000.000	(444.281.357)	(*)
- Công ty CP TTTH ĐS Bắc Giang	4.029.000.000	-	(*)	4.029.000.000	-	(*)
- Công ty CP TTTH ĐS Đà Nẵng	5.525.000.000	-	(*)	5.525.000.000	-	(*)
- Công ty CP TTTH ĐS Hà Nội	11.475.000.000	-	(*)	11.475.000.000	-	(*)
- Công ty CP TTTH ĐS Sài Gòn	23.292.000.000	-	(*)	23.292.000.000	-	(*)
- Công ty CP TTTH ĐS Vinh	6.700.380.000	-	(*)	6.700.380.000	-	(*)
- Công ty CP Vận tải ĐS Hà Nội	733.521.960.000	(348.206.900.826)	(*)	733.521.960.000	(353.509.341.584)	(*)
- Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn	394.647.080.000	(306.384.993.434)	(*)	394.647.080.000	(306.717.907.455)	(*)
- Công ty CP Xe lửa Dĩ An	56.454.000.000	-	(*)	56.454.000.000	-	(*)
- Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	17.437.357.004	(17.437.357.004)	(*)	17.437.357.004	(17.437.357.004)	(*)

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**  
**- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b><i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i></b>	<b>74.851.868.000</b>	<b>(18.967.533.887)</b>		<b>72.877.950.000</b>	<b>(17.848.582.906)</b>	
- Công ty cổ phần Đá Mỹ Trang	1.050.000.000	-	(*)	1.050.000.000	-	(*)
- Công ty cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực I	4.800.000.000	-	(*)	4.800.000.000	-	(*)
- Công ty cổ phần Tư vấn ĐT và XD Công trình I	1.887.600.000	-	(*)	1.887.600.000	-	(*)
- Công ty cổ phần In Đường sắt Sài Gòn	2.701.170.000	(2.701.170.000)	(*)	2.701.170.000	(2.701.170.000)	(*)
- Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đường sắt	2.700.000.000	-	(*)	2.700.000.000	-	(*)
- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng và Đô thị Đường sắt	10.000.000.000		(*)	10.000.000.000		(*)
- Công ty cổ phần ĐT và XD Công trình 3	21.713.098.000		(*)	19.739.180.000		(*)
- Công ty TNHH Khách sạn Thương mại Sài Gòn	30.000.000.000	(16.266.363.887)	(*)	30.000.000.000	(15.147.412.906)	(*)
<b><i>Đầu tư vào đơn vị khác</i></b>	<b>33.892.820.000</b>	-		<b>33.892.820.000</b>	-	
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	10.926.440.000	-	(*)	10.926.440.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đà Nẵng	243.000.000	-	(*)	243.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	5.750.400.000	-	(*)	5.750.400.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Thống Nhất	2.649.650.000	-	(*)	2.649.650.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải	2.410.000.000	-	(*)	2.410.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Công trình 6	9.704.330.000	-	(*)	9.704.330.000	-	(*)
- Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải	1.000.000.000	-	(*)	1.000.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt	1.209.000.000	-	(*)	1.209.000.000	-	(*)
	<b>1.497.442.255.004</b>	<b>(692.549.592.959)</b>		<b>1.495.468.337.004</b>	<b>(698.806.349.438)</b>	



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**  
**- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(\*) Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Chi tiết về các khoản đầu tư:

	31/12/2022			01/01/2022		
	Số cổ phiếu CP	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Số cổ phiếu CP	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
<b><i>Đầu tư vào công ty con</i></b>						
- Công ty CP Đá Đồng Mỏ	331.500	51,00%	51,00%	331.500	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	943.500	51,00%	51,00%	943.500	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt Hà Hải	703.800	51,00%	51,00%	703.800	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt Hà Lạng	841.500	51,00%	51,00%	841.500	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	770.049	51,00%	51,00%	770.049	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt Hà Thái	774.766	51,63%	51,63%	774.766	51,63%	51,63%
- Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	760.920	51,00%	51,00%	760.920	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	921.060	51,00%	51,00%	921.060	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	1.020.000	51,00%	51,00%	1.020.000	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt QNĐN	804.525	51,00%	51,00%	804.525	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	897.855	51,00%	51,00%	897.855	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	1.042.950	51,00%	51,00%	1.042.950	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	1.063.809	51,00%	51,00%	1.063.809	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	1.089.260	64,50%	64,50%	1.089.260	64,50%	64,50%
- Công ty CP Đường sắt Vinh Phú	627.085	51,00%	51,00%	627.085	51,00%	51,00%
- Công ty CP Đường sắt Yên Lào	969.000	51,00%	51,00%	969.000	51,00%	51,00%
- Công ty CP TTTH ĐS Bắc Giang	402.900	51,00%	51,00%	402.900	51,00%	51,00%
- Công ty CP TTTH ĐS Đà Nẵng	552.500	51,00%	51,00%	552.500	51,00%	51,00%
- Công ty CP TTTH ĐS Hà Nội	1.147.500	51,00%	51,00%	1.147.500	51,00%	51,00%
- Công ty CP TTTH ĐS Sài Gòn	2.329.200	75,77%	75,77%	2.329.200	75,77%	75,77%
- Công ty CP TTTH ĐS Vinh	670.038	51,00%	51,00%	670.038	51,00%	51,00%
- Công ty CP Vận tải ĐS Hà Nội	73.352.196	91,62%	91,62%	73.352.196	91,62%	91,62%
- Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn	39.464.708	78,44%	78,44%	39.464.708	78,44%	78,44%
- Công ty CP Xe lửa Dĩ An	5.645.400	86,85%	86,85%	5.645.400	86,85%	86,85%
- Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	1.743.736	68,15%	68,15%	1.743.736	68,15%	68,15%

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Số cổ phiếu CP	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số cổ phiếu CP	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
<b><i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i></b>						
- Công ty cổ phần Đá Mỹ Trang	105.000	44,44%	44,44%	105.000	44,44%	44,44%
- Công ty cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	480.000	40,00%	40,00%	480.000	40,00%	40,00%
- Công ty cổ phần Tư vấn ĐT và XD Công trình 1	188.760	37,75%	37,75%	188.760	37,75%	37,75%
- Công ty cổ phần In Đường sắt Sài Gòn	270.117	33,59%	33,59%	270.117	33,59%	33,59%
- Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đường sắt	270.000	20,00%	20,00%	270.000	20,00%	20,00%
- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng và Đô thị Đường sắt	1.000.000	20,00%	20,00%	1.000.000	20,00%	20,00%
- Công ty cổ phần ĐT và XD Công trình 3	2.171.310	24,67%	24,67%	1.973.918	24,67%	24,67%
- Công ty TNHH Khách sạn Thương mại Sài Gòn	3.000.000	50,00%	50,00%	3.000.000	50,00%	50,00%
<b><i>Đầu tư vào đơn vị khác</i></b>						
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	1.092.644	18,45%	18,45%	1.092.644	18,45%	18,45%
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đà Nẵng	24.300	8,48%	8,48%	24.300	8,48%	8,48%
- Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	575.040	2,88%	2,88%	575.040	2,88%	2,88%
- Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Thông Nhất	264.965	17,66%	17,66%	264.965	17,66%	17,66%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải	241.000	4,87%	4,87%	241.000	4,87%	4,87%
- Công ty Cổ phần Công trình 6	970.433	15,89%	15,89%	970.433	15,89%	15,89%
- Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải	100.000	0,29%	0,29%	100.000	0,29%	0,29%
- Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt	120.900	6,05%	6,05%	120.900	6,05%	6,05%



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>01/01/2022</b>	<b>18.629.157.834.188</b>	<b>1.900.869.464.003</b>	<b>3.570.033.962.360</b>	<b>45.957.551.385</b>	<b>22.869.904.931</b>	<b>24.168.888.716.867</b>
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.176.386.451	-	-	-	-	5.176.386.451
- Mua mới trong năm	7.425.185.034	1.239.874.072	6.027.181.259	267.562.909	196.745.535	15.156.548.809
- Thanh lý, nhượng bán	-	(184.377.900)	(85.486.963.329)	(141.540.130)	-	(85.812.881.359)
- Phân loại lại	(55.867.194.799)	55.204.186.006	1.180.250.793	(43.000.000)	(474.242.000)	-
<b>31/12/2022</b>	<b>18.585.892.210.874</b>	<b>1.957.129.146.181</b>	<b>3.491.754.431.083</b>	<b>46.040.574.164</b>	<b>22.592.408.466</b>	<b>24.103.408.770.768</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>01/01/2022</b>	<b>(8.015.622.926.386)</b>	<b>(1.118.599.700.196)</b>	<b>(3.470.051.019.680)</b>	<b>(43.842.284.909)</b>	<b>(19.092.724.987)</b>	<b>(12.667.208.656.158)</b>
- Khấu hao trong năm	(22.364.636.789)	(42.764.355.405)	(85.249.669.264)	(802.302.183)	(164.401.449)	(151.345.365.090)
- Thanh lý, nhượng bán	-	184.377.900	85.400.497.099	141.540.130	-	85.726.415.129
- Phân loại lại	49.522.868.818	(65.338.751.897)	15.284.620.875	171.928.069	359.334.135	-
<b>31/12/2022</b>	<b>(7.988.464.694.357)</b>	<b>(1.226.518.429.598)</b>	<b>(3.454.615.570.970)</b>	<b>(44.331.118.893)</b>	<b>(18.897.792.301)</b>	<b>(12.732.827.606.119)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>01/01/2022</b>	<b>10.613.534.907.802</b>	<b>782.269.763.807</b>	<b>99.982.942.680</b>	<b>2.115.266.476</b>	<b>3.777.179.944</b>	<b>11.501.680.060.709</b>
<b>31/12/2022</b>	<b>10.597.427.516.517</b>	<b>730.610.716.583</b>	<b>37.138.860.113</b>	<b>1.709.455.271</b>	<b>3.694.616.165</b>	<b>11.370.581.164.649</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 2.047.632.988.893 đồng (tại ngày 31/12/2021 là: 2.747.138.478.430 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2022 là: 105.294.102.072 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 43.400.351.855 đồng).

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Bản quyền, bằng sáng chế <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Quyền phát hành <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2022	389.912.682.645	195.307.445	1.381.702.923	143.700.000	391.633.393.013
- Giảm khác	-	(5.101.116)	-	-	(5.101.116)
31/12/2022	<u>389.912.682.645</u>	<u>190.206.329</u>	<u>1.381.702.923</u>	<u>143.700.000</u>	<u>391.628.291.897</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
01/01/2022	(387.775.291)	(4.987.691)	(1.098.883.516)	(143.700.000)	(1.635.346.498)
- Khấu hao trong năm	(61.053.804)	(95.740.809)	(59.755.918)	-	(216.550.531)
31/12/2022	<u>(448.829.095)</u>	<u>(100.728.500)</u>	<u>(1.158.639.434)</u>	<u>(143.700.000)</u>	<u>(1.851.897.029)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2022	<u>389.524.907.354</u>	<u>190.319.754</u>	<u>282.819.407</u>	<u>-</u>	<u>389.998.046.515</u>
31/12/2022	<u>389.463.853.550</u>	<u>89.477.829</u>	<u>223.063.489</u>	<u>-</u>	<u>389.776.394.868</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 1.240.641.018 đồng (tại ngày 31/12/2021 là: 893.132.418 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2022 là: 0 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 0 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>Giá trị</b>	<b>Giá trị</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>87.323.041.346</b>	<b>85.022.577.780</b>
- Mua sắm	300.000.000	300.000.000
- Xây dựng cơ bản	87.023.041.346	84.722.577.780
+ Chi phí chuẩn bị đầu tư các dự án từ nguồn Ngân sách Nhà nước do Tổng Công ty thực hiện	82.747.931.994	82.654.519.994
+ Các dự án khác	4.275.109.352	2.068.057.786
- Sửa chữa	-	-
	<b>87.323.041.346</b>	<b>85.022.577.780</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>954.441.497.125</b>	<b>954.441.497.125</b>	<b>573.120.690.112</b>	<b>573.120.690.112</b>
Công ty CP xe lửa Gia Lâm	114.307.200	114.307.200	51.009.599	51.009.599
Công ty CP ĐS Yên Lào	37.090.303.591	37.090.303.591	24.733.552.986	24.733.552.986
Công ty CP ĐS Vĩnh Phú	61.441.943.491	61.441.943.491	26.276.233.624	26.276.233.624
Công ty CP ĐS Hà Thái	43.862.605.290	43.862.605.290	28.148.495.391	28.148.495.391
Công ty CP ĐS Hà Lạng	53.443.605.338	53.443.605.338	32.203.085.621	32.203.085.621
Công ty CP ĐS Hà Hải	65.663.879.362	65.663.879.362	36.430.227.034	36.430.227.034
Công ty CP ĐS Hà Ninh	38.564.923.947	38.564.923.947	29.434.185.231	29.434.185.231
Công ty CP ĐS Thanh Hóa	34.613.519.204	34.613.519.204	23.888.670.316	23.888.670.316
Công ty CP ĐS Nghệ Tĩnh	46.137.278.430	46.137.278.430	29.364.171.760	29.364.171.760
Công ty CP ĐS Quảng Bình	39.598.457.552	39.598.457.552	31.331.483.565	31.331.483.565
Công ty CP ĐS Bình Trị Thiên	61.744.033.693	61.744.033.693	38.508.737.386	38.508.737.386
Công ty CP ĐS Quảng Nam - Đà Nẵng	37.886.004.639	37.886.004.639	34.425.168.092	34.425.168.092
Công ty CP ĐS Nghĩa Bình	39.138.171.053	39.138.171.053	33.859.140.708	33.859.140.708
Công ty CP ĐS Phú Khánh	49.245.467.786	49.245.467.786	40.024.565.306	40.024.565.306
Công ty CP ĐS Thuận Hải	18.669.153.128	18.669.153.128	20.537.766.391	20.537.766.391
Công ty CP ĐS Sài Gòn	43.402.120.446	43.402.120.446	31.913.017.112	31.913.017.112
Công ty CP TTTH ĐS Bắc Giang	27.935.627.294	27.935.627.294	8.523.366.109	8.523.366.109
Công ty CP TTTH ĐS Hà Nội	76.050.075.532	76.050.075.532	27.685.310.175	27.685.310.175
Công ty CP TTTH ĐS Vinh	59.566.126.646	59.566.126.646	17.131.874.434	17.131.874.434
Công ty CP TTTH ĐS Đà Nẵng	53.867.279.923	53.867.279.923	28.313.908.674	28.313.908.674
Công ty CP TTTH ĐS Sài Gòn	66.106.463.580	66.106.463.580	23.813.655.860	23.813.655.860
Công ty CP Xe lửa Dĩ An	-	-	1.969.640.000	1.969.640.000
Ban Quản lý dự án ĐS KV1	-	-	1.686.558.000	1.686.558.000
Ban Quản lý dự án ĐS KV2	-	-	2.139.196.738	2.139.196.738
Trung tâm y tế dự phòng ĐS	300.150.000	300.150.000	727.670.000	727.670.000



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP)**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các bên khác</b>	<b>198.642.161.263</b>	<b>198.642.161.263</b>	<b>151.933.706.276</b>	<b>151.933.706.276</b>
Công ty CP Xăng dầu KVI-TNHH MTV	20.494.333.381	20.494.333.381	16.013.807.807	16.013.807.807
Công ty CP Điện máy Chiến Thắng NG	-	-	4.301.684.265	4.301.684.265
Công ty CP Xăng dầu dầu khí Hà Nội	-	-	15.755.143.812	15.755.143.812
Công ty CP Xăng dầu dầu khí Sài Gòn	-	-	31.472.425.048	31.472.425.048
Công ty CP Tập đoàn Dương Đông	19.919.403.765	19.919.403.765	25.417.955.212	25.417.955.212
Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội	6.781.328.475	6.781.328.475		
Các đối tượng khác	151.447.095.642	151.447.095.642	58.972.690.132	58.972.690.132
<b>Cộng</b>	<b>1.153.083.658.388</b>	<b>1.153.083.658.388</b>	<b>725.054.396.388</b>	<b>725.054.396.388</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	23.377.347.895	75.856.512.660	91.789.163.667	7.444.696.888
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	547.945.023	(23.995.590)	389.320.467	134.628.966
- Thuế tài nguyên	1.168.060	16.468.916	16.643.516	993.460
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.742.784.000	33.333.288.401	26.430.868.543	9.645.203.858
- Các loại thuế khác	1.327.417.409	2.079.697.728	1.315.644.668	2.091.470.469
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	223.046.232	202.852.532	20.193.700
	<b>27.996.662.387</b>	<b>111.485.018.347</b>	<b>120.144.493.393</b>	<b>19.337.187.341</b>
	01/01/2022	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu/bù trừ trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	76.779.142	-	-	76.779.142
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.866.987.574	-	-	16.866.987.574
- Thuế thu nhập cá nhân	220.930.530	282.637.835	117.978.985	385.589.380
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	820.236.656	318.068.136	952.409.216	185.895.576
	<b>17.984.933.902</b>	<b>600.705.971</b>	<b>1.070.388.201</b>	<b>17.515.251.672</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.782.171.964</b>	<b>12.571.140.130</b>
- Trích trước chi phí bảo dưỡng máy với Hitachi	-	1.685.379.496
- Trích trước chi phí đồng phục	-	1.219.424.000
- Chi phí thường trực cứu viện	2.181.334.753	-
- Chi phí phải trả khác	6.600.837.211	9.666.336.634
	<b>8.782.171.964</b>	<b>12.571.140.130</b>

**18. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>630.809.271.232</b>	<b>652.383.793.963</b>
<b>Các bên liên quan</b>	<b>18.414.058.206</b>	<b>2.250.300.622</b>
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu ĐS Sài Gòn	-	279.414.540
- Trung tâm Y tế Đường sắt	868.736.564	738.973.056
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu ĐS Đà Nẵng	150.927.155	-
- Ban QLDA ĐS Khu vực I (1)	16.572.457.842	882.713.000
- Công ty Cổ phần Đá Mỹ Trang	8.000.000	8.000.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	329.200.026	329.200.026
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	-	9.200.000
- Công ty Cổ phần Đá Đồng Mô	-	2.800.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	175.764.238	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	32.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội	276.972.381	-
<b>Các bên khác</b>	<b>612.395.213.026</b>	<b>650.133.493.341</b>
- Các khoản bảo hiểm	2.445.036.311	4.571.634.555
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.034.945.335	2.013.545.335
- Các khoản phải trả từ thanh lý tài sản	1.438.287.147	1.438.287.147
- Các khoản thu từ cho thuê tài sản thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt do nhà nước đầu tư	37.036.859.993	140.891.941.276
- Tiền thuê đất và tiền chậm nộp tại địa chỉ 551 Nguyễn Văn Cừ (2)	540.420.560.199	469.823.907.322
- Thu tiền liên vận quốc tế	6.784.188.938	12.580.392.378
- Các khoản phải trả khác	22.235.335.103	18.813.785.328
	<b>630.809.271.232</b>	<b>652.383.793.963</b>

(1) Khoản chi phí quản lý phải trả về Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa công trình đường ngang theo quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của TTCP và chi phí sửa chữa định kỳ KCHT đường sắt.

(2) Khoản phải trả tiền thuê đất và tiền chậm nộp cho diện tích đất 203.873 m<sup>2</sup> tại số 551 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên.

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>31.403.623.000</b>	<b>31.403.623.000</b>	<b>78.193.083.000</b>	<b>88.719.545.000</b>	<b>41.930.085.000</b>	<b>41.930.085.000</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	<i>46.789.460.000</i>	<i>69.398.950.000</i>	<i>22.609.490.000</i>	<i>22.609.490.000</i>
Ngân hàng Chính sách Xã hội - PGD Quận Hai bà Trưng	-	-	46.789.460.000	69.398.950.000	22.609.490.000	22.609.490.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>31.403.623.000</b>	<b>31.403.623.000</b>	<b>31.403.623.000</b>	<b>19.320.595.000</b>	<b>19.320.595.000</b>	<b>19.320.595.000</b>
Ngân hàng Phát triển VN - SGD1 (*)	31.403.623.000	31.403.623.000	31.403.623.000	19.320.595.000	19.320.595.000	19.320.595.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>280.414.574.910</b>	<b>280.414.574.910</b>	<b>19.320.595.000</b>	<b>69.923.128.736</b>	<b>331.017.108.646</b>	<b>331.017.108.646</b>
Ngân hàng Phát triển VN - SGD1 (*)	280.414.574.910	280.414.574.910	19.320.595.000	69.923.128.736	331.017.108.646	331.017.108.646
	<b>311.818.197.910</b>	<b>311.818.197.910</b>	<b>97.513.678.000</b>	<b>158.642.673.736</b>	<b>372.947.193.646</b>	<b>372.947.193.646</b>

(\*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng

- Hợp đồng tín dụng số 01/2002/TDNN ngày 11/04/2002, hạn mức tín dụng 31.338.804,75 EUR được chia thành 02 khoản vay I và II với hạn mức vay lần lượt là 17.895.215,84 EUR và 13.293.588,91 EUR, thời gian cho vay của 02 khoản vay này lần lượt là 30 năm và 10 năm từ ngày Hiệp định vay có hiệu lực, mục đích vay phục vụ dự án "Đoàn tàu tốc hành giai đoạn I". Hợp đồng không có tài sản đảm bảo.

- Hợp đồng cho vay lại vốn nước ngoài số 02/2009/HDODA-NHPTVN ngày 09/12/2009, hạn mức tín dụng 6.372.608 EUR, thời hạn cho vay 18 năm, trong đó bao gồm 5,5 năm ân hạn tính từ ngày nhận nợ với phía Áo (13/04/2017). Mục đích sử dụng tiền vay: Vốn vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục của dự án theo Hiệp định tín dụng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục Dự án "Mua máy kiểm tra chất lượng cầu đường và máy điều hòa đá Balat đường sắt". Tài sản đảm bảo là Tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản hợp pháp khác theo hợp đồng thế chấp số 07/2020/HĐTCTS-NHPT bao gồm: Máy kiểm tra chất lượng cầu đường (giá trị: 123.081.235.422 đồng) và máy điều hòa Balat đường sắt (giá trị 17.310.900.674 đồng).



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	3.104.949.670.315	37.098.310.602	(1.257.310.475.313)	1.884.737.505.604
- Lỗ trong năm			(564.866.949.950)	(564.866.949.950)
31/12/2021	<u>3.104.949.670.315</u>	<u>37.098.310.602</u>	<u>(1.822.177.425.263)</u>	<u>1.319.870.555.654</u>
01/01/2022	3.104.949.670.315	37.098.310.602	(1.822.177.425.263)	1.319.870.555.654
- Lỗ trong năm	-	-	(172.491.061.890)	(172.491.061.890)
31/12/2022	<u>3.104.949.670.315</u>	<u>37.098.310.602</u>	<u>(1.994.668.487.153)</u>	<u>1.147.379.493.764</u>

**20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Vốn góp của Nhà nước	3.104.949.670.315	3.104.949.670.315
	<u>3.104.949.670.315</u>	<u>3.104.949.670.315</u>

**20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	3.104.949.670.315	3.104.949.670.315
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	3.104.949.670.315	3.104.949.670.315
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
+ Doanh thu dịch vụ điều hành giao thông vận tải	1.996.524.889.472	1.266.852.420.000
+ Doanh thu cho thuê toa xe	13.530.701.475	9.878.591.475
+ Doanh thu bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt	3.141.837.177.758	2.480.436.497.949
+ Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt	11.823.959.548	7.139.852.764
+ Bán hàng, cho thuê và các hoạt động khác	295.105.199.439	153.516.051.206
	<b>5.458.821.927.692</b>	<b>3.917.823.413.394</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
+ Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt	2.144.867.532.620	1.560.181.115.808
+ Giá vốn dịch vụ sự nghiệp công ích, bảo trì KCHT đường sắt Quốc gia sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước	3.141.413.703.723	2.480.436.497.949
+ Dịch vụ cho thuê toa xe	5.987.630.522	7.196.537.938
+ Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt	9.793.117.023	4.283.613.594
+ Bán hàng, cho thuê và các hoạt động khác	286.225.883.186	192.881.106.239
	<b>5.588.287.867.074</b>	<b>4.244.978.871.528</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.682.856.038	1.964.439.579
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.806.344.970	23.047.721.060
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	1.630.727.955	1.779.754.053
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	12.527.235.624	30.034.915.863
Các doanh thu tài chính khác	1.973.918.000	-
	<b>43.621.082.587</b>	<b>56.826.830.555</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	10.930.308.870	13.814.652.955
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(6.256.756.479)	221.965.966.043
Chi phí hoạt động tài chính khác	8.639.580	14.815.842
	<b>4.682.191.971</b>	<b>235.795.434.840</b>



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	47.717.937.684	28.660.011.775
Chi phí vật liệu quản lý	1.580.434.702	1.638.732.993
Chi phí đồ dùng văn phòng	363.670.491	695.690.291
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.194.994.766	1.371.576.438
Chi phí dự phòng	(20.374.179.732)	(1.004.304.027)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.394.646.604	7.077.975.292
Chi phí bằng tiền khác	26.045.708.367	22.986.156.849
	<b>61.923.212.882</b>	<b>61.425.839.611</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền bồi thường gây chậm tàu	2.051.678.000	4.887.020.588
Thu nhập từ nhận 101 toa xe H-C31	-	29.938.152.514
Doanh thu tài trợ HN Asean 2022	3.111.473.065	-
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9.911.593.252	41.839.091
Thanh lý phế liệu	502.223.755	1.780.322.097
Doanh thu nghiên cứu đề tài	190.206.329	-
Các khoản khác	1.593.880.342	511.925.175
	<b>17.361.054.743</b>	<b>37.159.259.465</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Kinh phí tài trợ HN Asean 2022	3.111.473.065	-
- Các khoản chậm nộp tiền thuê đất năm 2021	-	32.968.452.203
- Các khoản chậm nộp tiền thuê đất năm 2022	33.503.098.714	-
- Chi phí khác	787.283.206	1.491.819.726
	<b>37.401.854.985</b>	<b>34.460.271.929</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(172.491.061.890)</b>	<b>(564.866.949.950)</b>
<b>Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>40.750.551.546</b>	<b>44.818.665.579</b>
- Tiền chậm nộp thuế đất	33.503.098.714	32.968.452.203
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	7.247.452.832	11.850.213.376
- Chi phí không hợp lý hợp lệ khác	-	-
<b>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>23.806.344.970</b>	<b>23.047.721.060</b>
- Cổ tức lợi nhuận được chia	23.806.344.970	23.047.721.060
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>(155.546.855.314)</b>	<b>(543.096.005.431)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**29. THÔNG TIN KHÁC****29.1 BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan cá nhân**

Trong năm tài chính 2022, các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên thân cận trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt được xác định là bên liên quan của Công ty.

**Danh sách các bên liên quan tổ chức**

Tên tổ chức	Mối quan hệ
1 Công ty Cổ phần Đá Đồng Mô	Công ty con
2 Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	Công ty con
3 Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Công ty con
4 Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	Công ty con
5 Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	Công ty con
6 Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	Công ty con
7 Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	Công ty con
8 Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	Công ty con
9 Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Công ty con
10 Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam Đà Nẵng	Công ty con
11 Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	Công ty con
12 Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	Công ty con
13 Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con
14 Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Công ty con
15 Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	Công ty con



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**29. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**29.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Danh sách các bên liên quan tổ chức (tiếp)**

<b>Tên tổ chức</b>	<b>Mối quan hệ</b>
16 Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	Công ty con
17 Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang	Công ty con
18 Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con
19 Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	Công ty con
20 Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn	Công ty con
21 Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh	Công ty con
22 Công ty Cổ phần Vận tải ĐS Hà Nội	Công ty con
23 Công ty Cổ phần Vận tải ĐS Sài Gòn	Công ty con
24 Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	Công ty con
25 Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	Công ty con
26 Công ty Cổ phần Đá Mỹ Trang	Công ty liên kết
27 Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đường sắt	Công ty liên kết
28 Trường Cao đẳng Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp
29 Trung tâm y tế đường sắt	Đơn vị sự nghiệp
30 Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1	Đơn vị sự nghiệp
31 Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 2	Đơn vị sự nghiệp
32 Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 3	Đơn vị sự nghiệp

**Giao dịch với các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh bên trên, Tổng công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Thu nhập của Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập của Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng</b>	<b>2.189.410.327</b>	<b>1.564.129.000</b>
Tiền lương, thưởng	2.189.410.327	1.564.129.000

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***29. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****29.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>1.915.865.030.977</b>	<b>1.194.697.174.728</b>
- Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội	1.132.522.492.370	724.119.930.116
- Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	752.203.590.647	442.065.041.087
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	3.970.822.240	3.382.446.928
- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	1.564.630.059	2.093.427.097
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	9.074.386.525	7.850.736.688
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	1.058.630.964	2.897.911.363
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	1.623.058.496	1.494.781.263
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	1.187.906.942	1.117.253.540
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	1.853.453.295	1.142.166.051
- Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	2.302.204.960	1.544.687.976
- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	1.115.381.430	1.264.056.438
- Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	1.410.564.648	772.830.264
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	931.285.875	1.070.870.898
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	544.725.318	889.944.958
- Công ty Cổ phần TTTHĐS Bắc Giang	139.106.000	139.106.448
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	58.156.800	47.470.800
- Công ty Cổ phần TTTHĐS Vinh	143.977.130	158.764.296
- Công ty Cổ phần TTTHĐS Đà Nẵng	89.785.000	96.459.816
- Công ty Cổ phần TTTHĐS Hà Nội	28.018.050	27.955.313
- Công ty Cổ phần TTTHĐS Sài Gòn	16.148.900	20.957.042
- Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	54.202.633	67.448.637
- Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	601.586.748	382.312.284
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	1.749.355.712	1.031.793.544
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam	1.621.560.235	1.018.821.881
- Đà Nẵng		



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***29. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****29.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng với bên liên quan</b>		
- Trường Cao đẳng Đường sắt	9.012.112.000	14.554.554.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	15.277.470.150	7.304.255.823
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	13.318.781.008	14.725.818.745
- Trung tâm Y tế Đường sắt	5.513.473.000	7.615.604.283
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn	156.822.108.667	102.783.400.000
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	142.904.616.952	143.671.605.337
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	185.575.152.300	118.330.132.727
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh	133.034.717.036	75.770.499.827
- Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	-	369.197.200
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang	59.224.794.205	37.797.642.727
- Công ty CP Đường sắt Hà Thái	138.685.352.429	108.724.152.265
- Công ty CP Đường sắt Hà Hải	203.510.799.885	162.666.130.169
- Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1	17.803.535.353	40.048.144
- Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 2	2.380.910.576	-
- Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 3	2.950.096.292	-
- Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	158.021.773.077	141.520.121.818
- Công ty CP Đường sắt Quảng Nam Đà Nẵng	159.061.046.445	139.317.576.835
- Công ty CP Đường sắt Hà Lạng	169.790.783.615	139.145.550.136
- Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	117.143.942.194	104.009.399.541
- Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	141.983.307.461	121.780.862.119
- Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	151.392.519.102	154.375.257.032
- Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	127.470.401.642	98.446.777.780
- Công ty CP Đường sắt Vinh Phú	172.625.355.530	110.759.410.943
- Công ty CP Đường sắt Yên Lào	120.544.594.457	102.520.606.668
- Công ty CP Xe lửa Dĩ An	-	1.790.666.949
- Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	170.749.124.805	171.187.216.939
- Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	155.870.871.602	146.612.020.096
- Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	195.919.427.197	177.492.530.000
- Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	111.326.324.841	91.075.754.907
	<b>3.037.913.391.821</b>	<b>2.494.386.793.010</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**29. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**29.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập từ cổ tức với bên liên quan</b>		
- Công ty CP Xe lửa Dĩ An	-	1.129.080.000
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn	2.562.120.000	2.795.040.000
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	1.270.750.000	1.270.750.000
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	1.147.500.000	1.147.500.000
- Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	1.122.000.000	1.122.000.000
- Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	1.077.426.000	1.077.426.000
- Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	1.176.400.800	1.176.400.800
- Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	1.063.809.000	957.428.100
- Công ty CP Đá Đồng Mỏ	397.800.000	530.400.000
- Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	1.095.097.500	1.095.097.500
- Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	1.123.693.200	1.123.693.200
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh	971.555.100	984.955.860
- Công ty CP Đường sắt Yên Lào	823.650.000	775.200.000
- Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	1.037.850.000	1.037.850.000
- Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	951.150.000	951.150.000
- Công ty CP Đường sắt Hà Lạng	925.650.000	925.650.000
- Công ty CP Đường sắt Hà Hải	950.130.000	950.130.000
- Công ty CP Đường sắt Quảng Nam Đà Nẵng	1.045.882.500	1.206.787.500
- Công ty CP Đường sắt Hà Thái	867.737.920	852.242.600
- Công ty CP Đường sắt Vinh Phú	997.065.150	815.210.500
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang	608.379.000	608.379.000
- Công ty cổ phần Đá Mỹ Trang	262.500.000	210.000.000
- Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	462.029.400	-
- Công ty CP Đầu tư & Xây dựng công trình 3	592.175.400	-
- Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đường sắt	-	54.000.000
	<b>22.532.350.970</b>	<b>22.796.371.060</b>

**Số dư với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh bên trên, Tổng Công ty không còn có số dư với các bên liên quan.

**29.2 CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Căn cứ Thông báo về tiền thuê đất theo hình thức nộp hàng năm của Chi cục thuế quận Long Biên ngày 29/04/2022, Công ty thuê diện tích đất 203.873 m<sup>2</sup> tại 511 Nguyễn Văn Cừ phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Tiền thuê đất theo Thông báo này được ghi nhận vào giá vốn năm 2022 là 37.098.973.683 đồng (năm 2021 là 36.979.340.848 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2023

**Người lập biểu**



**Đặng Thị Bích Vân**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Tuấn Vinh**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Hoàng Gia Khánh**